ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 197 /QĐ-UBND	*Mỹ Xuyên, ngày 09 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Công văn số 2838/SXD-QHKT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng góp ý đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Mỹ Xuyên tại Tờ trình số 60/TTr-KT&HT ngày 30 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí lập quy hoạch: xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

b) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Đông Bắc giáp Phường 10, thành phố Sóc Trăng.
- Phía Tây Bắc giáp xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú.
- Phía Nam giáp xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên.
- Phía Tây giáp giáp xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên.

c) Quy mô lập quy hoạch: 2.594,7 ha.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

3.1. Mục tiêu:

- Đáp ứng các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao, cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện trong phát triển xây dựng trên địa bàn xã đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Cập nhật các dự án đang thực hiện và chuẩn bị thực hiện trên địa bàn xã Đại Tâm, điều chỉnh quy hoạch nhằm bổ sung các tiêu chí chưa phù hợp với các quy định mới về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

- Quy hoạch định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn theo hướng tiết kiệm đất sản xuất nông nghiệp, đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng, quản lý sử dụng đất đai có hiệu quả. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cải tạo môi trường, gắn kết giữa sản xuất và phục vụ đời sống trên địa bàn xã.

- Quy hoạch định hướng phát triển nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân nhằm giảm khoảng cách về đời sống, sinh hoạt của người dân giữa đô thị và nông thôn.

- Khai thác hiệu quả các lợi thế về tài nguyên, lao động và hạ tầng tại địa phương, ưu tiên phát triển các cụm công nghiệp có quy mô hợp lý làm cơ sở để lập kế hoạch đầu tư phát triển, chủ động quỹ đất, huy động các nguồn vốn đầu tư.

3.2. Tính chất: Là xã thuần nông, phát triển chủ đạo về nông nghiệp, thế mạnh là trồng cây ăn hàng năm, hoa màu, kinh tế tiểu thủ công nghiệp,…làm cơ sở quản lý quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, lập dự án đầu tư, phát triển đúng hướng, ổn định trên địa bàn xã. Xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất, đảm bảo sự phát triển bền vững.

3.3. Phân khu chức năng:

- Khu trung tâm xã (hành chính, dịch vụ - thương mại, văn hóa - thể thao,…).
- Khu ở (gồm lô đất ở gia đình và các công trình phục vụ trong thôn, xóm).
- Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất.
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Các công trình hạ tầng xã hội.
- Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (nếu có).
- Khu dành cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các mục đích khác,…

4. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

4.1. Dự báo quy mô dân số, lao động

- Trên địa bàn xã Đại Tâm có 19.757 người.
- Dân số dự kiến: Năm 2025 là 20.055 người; đến năm 2030 là: 20.357 người.
- Dự báo lao động cho toàn xã theo các ngành sản xuất.
  + Năm 2021 số lao động trong độ tuổi lao động 9.115 người.
  + Năm 2025 số lao động trong độ tuổi lao động 9.253 người.
  + Năm 2030 số lao động trong độ tuổi lao động 9.392 người.

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

4.2.1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:

- Diện tích đất trụ sở cơ quan xã: ≥ 1.000 m^2.
- Nhà trẻ, trường mầm non: ≥ 12 m^2/học sinh.
- Trường tiểu học: ≥ 10 m^2/học sinh.
- Trường trung học cơ sở: ≥ 10 m^2/học sinh.
- Trạm y tế xã: ≥ 1.000 m^2/trạm.
- Nhà văn hóa - khu thể thao xã: ≥ 2.500 m^2.
- Nhà văn hóa - khu thể thao ấp : ≥ 800 m^2.
- Chợ : ≥ 1.500 m^2/chợ/xã.

- Điểm phục vụ bưu chính - viễn thông: ≥ 150 m^2/điểm.

- Nghĩa trang: ≥ 0,04 ha/1.000 người.

4.2.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Cấp điện: Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt: 150 W/người;

+ Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo ≥15% nhu cầu điện sinh hoạt;

+ Nhu cầu điện phục vụ sản xuất phải dựa theo các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.

- Cấp nước:

+ Có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình: ≥ 60 lít/người/ngày;

+ Sử dụng vòi nước công cộng: ≥ 40 lít/người/ngày.

- Thoát nước: đạt 80% tiêu chuẩn cấp nước.

- Vệ sinh môi trường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt và sản xuất phải được thu gom và xử lý tại các cơ sở xử lý tập trung;

+ Trạm trung chuyển CTR không cố định phải đặt cách công trình nhà ở và các khu vực thường xuyên tập trung đông người ≥ 20 m.

- Nghĩa trang: Địa điểm quy hoạch nghĩa trang phải phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất; phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng nhu cầu táng trước mắt và lâu dài. Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1.000 người.

5. Phân khu chức năng định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã:

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã:

a) Vị trí và quy mô:

- Định hướng vị trí trung tâm xã thuộc ấp Đại Chí, ấp Tâm Thọ và một phần ấp Đại Thành có tứ cận như sau:

+ Phía Đông: giáp đất dân cư ấp Tâm Thọ.

+ Phía Tây: giáp đất dân cư ấp Đại Thành.

+ Phía Nam: giáp kênh Phú Thuận.

+ Phía Bắc: giáp đất dân cư đường Đại Chí - Đại Ân.

- Quy mô diên tích dự kiến: 32,77 ha.

- Dân số dự kiến: 5.000 - 6.000 người.

b) Phân khu chức năng:

Phát triển khu dân cư tập trung, trung tâm xã thuộc ấp Đại Chí, ấp Tâm Thọ và một phần ấp Đại Thành với các khu chức năng như sau:

- Khu hành chính tập trung.

- Công trình Văn hóa - Thể dục thể thao.

- Công trình giáo dục, y tế.

- Công trình thương mại - dịch vụ.

- Khu công viên cây xanh.

- Đất hạ tầng kỹ thuật,…

c) Tính chất: là trung tâm hành chính tập trung, y tế, giáo giục, nhà ở mới kết hợp cải tạo chỉnh trang, ở kết hợp thương mại dịch vụ; là điểm dân cư tập trung đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

5.2. Định hướng phát triển tuyến dân cư:

- Phát triển các tuyến dân cư theo tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới, gồm có 4 tuyến dân cư:

+ Tuyến dân cư số 1: Nằm dọc 2 bên trục Quốc lộ 1A.

+ Tuyến dân cư số 2: Nằm dọc theo 2 bên đường tỉnh 936.

+ Tuyến dân cư số 3: Nằm dọc theo 2 bên đường tỉnh 939.

+ Tuyến dân cư số 4: Nằm dọc 2 bên trục đường Đại Chí - Đại Ân.

- Tính chất: Là tuyến dân cư đáp ứng các chỉ tiêu điểm dân cư nông thôn.

6. Định hướng tổ chức không gian xã:

6.1. Hệ thống công trình công cộng, dịch vụ của xã:

a) Ấp Tâm Kiên:

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Tâm Kiên - Thể dục thể thao: Tổng diện tích đất 800 m^2, trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích đất Thể dục thể thao là 500 m^2.

- Giữ nguyên hiện trạng Trường tiểu học Đại Tâm 2 (điểm chính) đạt chuẩn, diện tích đất 4.884 m^2, diện tích xây dựng: 728,60 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

b) Ấp Tâm Phước:

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Tâm Phước - Thể dục thể thao: Tổng diện tích đất 800 m^2, trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích đất Thể dục thể thao là 500 m^2.

- Giữ nguyên hiện trạng Trường tiểu học Đại Tâm 2 (điểm lẻ), diện tích đất 660 m^2, diện tích xây dựng 182 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

c) Ấp Tâm Lộc:

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Tâm Lộc - Thể dục thể thao: Tổng diện tích đất 800 m^2, trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích đất Thể dục thể thao là 500 m^2.

- Giữ nguyên hiện trạng Trường tiểu học Đại Tâm 2 (điểm lẻ), diện tích đất 621,60 m^2, diện tích xây dựng 130 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

- Giữ nguyên hiện trạng Trường Mầm Non 1/6 (điểm lẻ), diện tích đất 3.263 m^2, diện tích xây dựng 70 m^2, tầng cao xây dựng 01 tầng.

d) Ấp Tâm Thọ:

- Giữ nguyên hiện trạng Nhà văn hóa xã Đại Tâm: Diện tích đất 3.036 m^2, diện tích xây dựng 448,7 m^2.

- Giữ nguyên hiện trạng Sân vận động: Diện tích đất 8.559,90 m^2.

- Nâng cấp cơ sở vật chất Bưu chính viễn thông (VNPT): Diện tích đất 425 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Tâm Thọ - Thể dục thể thao: Tổng diện tích đất 800 m^2, trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích đất Thể dục thể thao là 500 m^2.

- Nâng cấp cơ sở vật chất Trạm y tế xã: Diện tích 3.927,40 m^2, có diện tích xây dựng 327,50 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

- Giữ nguyên hiện trạng Trường Mầm Non 1/6 (điểm chính) đạt chuẩn, diện tích đất 4.213 m^2 , diện tích xây dựng 1.902,5 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

- Giữ nguyên hiện trạng Trường tiểu học Đại Tâm 3 đạt chuẩn, diện tích đất 6.087 m^2, diện tích xây dựng 1.419,6 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

- Giữ nguyên hiện trạng Chợ: Diện tích đất 587 m^2, diện tích xây dựng là 300 m^2.

- Nâng cấp, mở rộng Công an xã: Diện tích đất 2.000 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng 40%.

đ) Ấp Đại Chí:

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Đại Chí - Thể dục thể thao: Tổng diện tích đất 800 m^2, trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích đất Thể dục thể thao là 500 m^2.

- Nâng cấp cơ sở vật chất Bưu điện xã: Diện tích đất 287,50 m^2.

- Giữa nguyên hiện trạng Trường trung học cơ sở Đại Tâm đạt chuẩn, diện tích đất 8.020,5 m^2, diện tích xây dựng 2.030 m^2.

e) Ấp Đại Thành:

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Đại Thành - Thể dục thể thao: Tổng diện tích đất 800 m^2, trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích đất Thể dục thể thao là 500 m^2.

- Giữa nguyên hiện trạng Trường tiểu học Đại Tâm 1 (điểm chính) đạt chuẩn, diện tích đất 1.725 m^2, diện tích xây dựng 877,52 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

g) Ấp Đại Ân:

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Đại Ân - Thể dục thể thao: Tổng diện tích đất 800 m^2, trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích đất Thể dục thể thao là 500 m^2.

- Nâng cấp cơ sở vật chất Trạm cấp nước, diện tích đất 100 m^2, diện tích xây dựng 100 m^2.

- Giữ nguyên hiện trạng Trường Mầm Non 2/9 (điểm lẻ), diện tích đất khoảng 5.432,60 m^2, tầng cao xây dựng 01 tầng.

h) Ấp Đại Nghĩa Thắng:

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Đại Nghĩa Thắng - Thể dục thể thao: Tổng diện tích đất 800 m^2, trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích đất Thể dục thể thao là 500 m^2.

- Giữ nguyên hiện trạng Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Đảng ủy xã, các đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, mặt trận tổ quốc,...), diện tích đất 2.094,4 m^2, diện tích xây dựng 314,90 m^2.

- Giữ nguyên hiện trạng Trường Mầm Non 2/9 (điểm chính) đạt chuẩn, diện tích đất 1.951 m^2, diện tích xây dựng 488,10 m^2.

- Giữa hiện trạng Ban chỉ huy quân sự xã, diện tích đất 745 m^2, diện tích xây dựng 100 m^2.

- Nâng cấp cơ sở vật chất Trạm cấp nước, diện tích đất 288,4 m^2, diện tích xây dựng 100 m^2.

- Giữa hiện trạng Trường tiểu học Đại Tâm 1 (điểm lẻ), diện tích đất 7.149 m^2, diện tích xây dựng 392 m^2, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

Danh mục các công trình công cộng xã Đại Tâm

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH & CẢI TẠO	DIỆN TÍCH ĐẤT (m^2)	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m^2)
I	**Ấp Tâm Kiên**				
1	Nhà văn hóa ấp - TDTT	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	800	300
2	Trường Tiểu học Đại Tâm 2 (điểm Chính)	Hiện trạng	Đạt chuẩn	4.884	728,6
II	**Ấp Tâm Phước**				
1	Nhà văn hóa ấp - TDTT	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	800	300
2	Trường Tiểu học Đại Tâm 2 (điểm lẻ)	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	660	182
III	**Ấp Tâm Lộc**				
1	Nhà văn hóa ấp - TDTT	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	800	300
2	Trường Tiểu học Đại Tâm 2 (điểm lẻ)	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	621,6	130
3	Trường Mầm Non 1/6 (điểm lẻ)	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	3.263	70

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH & CẢI TẠO	DIỆN TÍCH ĐẤT (m^2)	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m^2)
IV	**Ấp Tâm Thọ**				
1	Nhà văn hóa Xã	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	3.036	448,7
2	Sân vận động	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	8.559,9	-
3	Bưu Chính Viễn Thông (VNPT)	Hiện trạng	Nâng cấp cơ sở vật chất	425,7	-
4	Nhà văn hóa ấp - TDTT	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	800	300
5	Trạm Y Tế	Hiện trạng	Nâng cấp cơ sở vật chất	3.927	327,5
6	Trường Mầm Non 1/6 (điểm chính)	Hiện trạng	Đạt chuẩn	4.213	1.902,5
7	Trường tiểu học Đại Tâm 3	Hiện trạng	Đạt chuẩn	6.087	1.419,6
8	Chợ	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	587	300
9	Công An Xã	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	2.000	109,9
V	**Ấp Đại Chí**				
1	Nhà văn hóa ấp - TDTT	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	800	300
2	Bưu Điện Xã	Hiện trạng	Nâng cấp cơ sở vật chất	287,5	-
3	Trường THCS Đại Tâm	Hiện trạng	Đạt chuẩn	8.020,5	2.030
VI	**Ấp Đại Thành**				
1	Nhà văn hóa ấp - TDTT	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	800	300
2	Trường Tiểu học Đại Tâm 1 (điểm Chính)	Hiện trạng	Đạt chuẩn	1725	877,52
VII	**Ấp Đại Ân**				
1	Nhà văn hóa ấp - TDTT	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	800	300
2	Trạm cấp nước	Hiện trạng	Nâng cấp cơ sở vật chất	100	100
3	Trường Mầm Non 2/9 (điểm lẻ)	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	5.432,6	-
VIII	**Ấp Đại Nghĩa Thắng**				
1	Nhà văn hóa ấp - TDTT	Hiện trạng	Nâng cấp, mở rộng	1318	300
2	UBND Xã	Hiện trạng	Đạt chuẩn	2.094,4	314,9
3	Trường Mầm Non 2/9 (điểm chính)	Hiện trạng	Đạt chuẩn	1.951	488,1
4	Ban chỉ huy quân sự xã	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	745	100
5	Trạm cấp nước	Hiện trạng	Nâng cấp cơ sở vật chất	288,41	100
6	Trường Tiểu học Đại Tâm 1 (điểm lẻ)	Hiện trạng	Giữ nguyên hiện trạng	7.149	392

6.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và khu dân cư hiện hữu

a) Khu dân cư ngập lụt hoặc trong vùng thiên tai: Hiện nay, xã không có khu dân cư vượt lũ.

b) Cơ cấu các công trình chính trong lô đất ở của 01 hộ gia đình:

- Các chức năng cơ bản cho lô đất hộ gia đình gồm:

+ Công trình nhà ở chính.

+ Các công trình phụ.

+ Sân, vườn, ao.

- Yêu cầu cho lô đất hộ gia đình:

+ Phải đảm bảo bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, cảnh quan chung.

+ Các công trình sản xuất, chăn nuôi trong lô đất gia đình phải có hệ thống kỹ thuật thu gom và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

c) Nhà ở hộ dịch vụ (nhà liên kế):

- Đối với nhà hiện hữu:

+ Khuyến kích nâng tầng tạo bộ mặt nông thôn mới.

+ Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt.

+ Tổ chức lại mặt bằng phù hợp với sinh hoạt của gia đình.

- Đối với nhà xây mới: Nhà ở là công trình xây dựng trên thửa đất có chức năng ở và được dùng để ở, bao gồm 03 bộ phận: nền - móng, khung - tường, mái.

d) Nhà ở nông thôn đạt chuẩn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đối với nhà hiện hữu:

+ Khuyến khích cải tạo nhà lại theo hướng thông thoáng, sạch sẽ cao ráo.

+ Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt.

+ Tổ chức lại mặt bằng phù hợp với sinh hoạt của gia đình.

+ Có vườn bao quanh nhà.

- Đối với nhà xây mới: Nhà ở nông thôn phải đảm bảo "3 cứng" (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy.

- Đối với khu vực đồng bằng diện tích ở tối thiểu đạt từ 14 m^2/người trở lên. Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 30 m^2 trở lên, đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18 m^2 trở lên.

- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên; đối với nhà ở đã, đang thực hiện hỗ trợ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì niên hạn sử dụng lấy theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đó.

- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, thu gom các loại chất thải (nước thải và chất thải rắn); kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền.

6.3. Tổ chức các khu vực sản xuất, (tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề và phục vụ sản xuất nông nghiệp…) dịch vụ và các khu vực đặc thù khác:

a) Quy định khu vực chăn nuôi, sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Các khu vực sản xuất: khu vực nuôi trồng thủy sản, hoa màu, cây ăn quả… khu vực chăn nuôi…

- Quy hoạch sử dụng đất toàn xã phải dành đất cho:

+ Khu sản xuất, tiểu thủ công nghiệp.

+ Khu chăn nuôi tập trung.

+ Khu nuôi trồng thủy sản tập trung.

- Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển nuôi trồng của xã như:

+ Tiềm năng về đất đai (nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc).

+ Tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến thủy sản và thực phẩm.

+ Các điều kiện cần cho sản xuất: thị trường tiêu thụ, khả năng huy động vốn, các công nghệ có thể áp dụng , hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải, cấp điện, cấp nước, thoát nước).

- Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường, khoảng cách từ nhà ở tới các khu vực chăn nuôi, sản xuất, kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật phải > 200 m;

b) Quy định về khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề:

- Các khu tiểu thủ công nghiệp tập trung phải tuân thủ quy định về sử dụng đất và môi trường như đối với các cụm công nghiệp tập trung:

+ Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây độc hại có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình nhưng không được để nước thải và tiếng ồn gây ô nhiễm môi trường.

+ Cơ sở sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí thành các cụm, nằm ngoài khu ở, gần đầu mối giao thông.

+ Giữa các khu sản xuất và khu ở yêu cầu phải có khoảng cách ly phù hợp với đặc điểm quy mô của công trình sản xuất.

+ Bố trí hợp lý mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo cách ly vệ sinh phù hợp với đặc điểm, quy mô và mức độ độc hại của công trình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và nuôi trồng trồng thủy sản.

- Khoảng cách an toàn môi trường của khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung phải đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường (khoảng cách ly vệ sinh) theo quy định.

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã:

7.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

Chọn cao độ xây dựng: Cao độ xây dựng chung cho các điểm dân cư trong xã Đại Tâm là: Hxd ≥2 m.

7.2. Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa:

- Sử dung hệ thống thoát nước chung nước mưa và nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp ra sông rạch theo hướng ngắn nhất. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Đối với các khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp và khu vực chợ nước thải phải được xử lý đúng quy định trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung.

- Giữ lại toàn bộ tuyến kênh hiện hữu giải quyết thoát nước cho các điểm dân cư. Chia nhỏ các lưu vực thoát nước, xây dựng các tuyến thoát nước ngắn thoát nước nhanh ra các kênh.

7.3. Quy hoạch giao thông:

a) Đường Cao Tốc: Quy hoạch mới đường Cao Tốc dài 4,254 km, kết cấu bê tông nhựa.

b) Đường Quốc lộ: Đường Quốc lộ 1A, kết cấu bê tông nhựa, có chiều dài 8km, lòng đường rộng 10,5 m kết nối với thành phố Sóc Trăng.

c) Đường tỉnh, đường huyện:

- Đường tỉnh 939, kết cấu bê tông nhựa, có chiều dài 3 km, lòng đường rộng 5,50 m kết nối với xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú.

- Đường tỉnh 936, kết cấu bê tông nhựa, có chiều dài 0,85 km, lòng đường rộng 5,5 m - 7 m kết nối với xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên.

d) Đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,…) theo quy định:

- Đường Sà Lôn - Trà Mẹt, kết cấu bê tông nhựa, có chiều dài 0,85 km, lòng đường rộng 3,5 m, lề gia cố mỗi bên 1,5 m.

- Đường vào khu xử lý chất thải rắn, kết cấu bê tông nhựa, có chiều dài 0,85 km, lòng đường rộng 6 m lề gia cố mỗi bên 1,5 m.

- Đường Đại Chí - Đại Ân, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 3,5 km, lòng đường rộng 3,5 m lề gia cố mỗi bên 1,5 m.

- Đường cặp kênh 19/5, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 5,677 km, lòng đường rộng 3,5 m, lề gia cố mỗi bên 1,5 m.

đ) Đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm, có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp:

Mạng lưới đường trục ấp, liên ấp được bố trí xây dựng trên cơ sở các đường có sẳn (đường dale nông thôn, đường đất..), nhằm tạo ra mạng lưới giao thông chặt chẽ đồng bộ với mạng lưới đường trục xã và trong ấp, kết nối giữa các trung tâm ấp với nhau và mạng lưới đường trục xã.

- Đường Po Tà Pin: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2,5 km, lòng đường 3 m; Nâng cấp mở rộng: lòng đường rộng 3,5 m, lề gia cố mỗi bên 0,75 m.

- Đường Liên ấp Tâm Kiên - Tâm Phước: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,4 km, lòng đường 2 m; nâng cấp mở rộng: lòng đường rộng 3,5 m, lề gia cố mỗi bên 0,75 m.

e) Đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp:

Tổng chiều dài đường ngõ, xóm sạch hiện trạng, quy hoạch mới và nâng cấp cải tạo gồm:

- Hẻm 1: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,3 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm Chùa Mới: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,3 km, lòng đường rộng 3 m.

- Hẻm 2: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,25 km, lòng đường rộng 1,7 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 3: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,2 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 4: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,2 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 5: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,35 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 6: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,25 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 7: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 8: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,35 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm Chùa: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,30 km, lòng đường rộng 2,5 - 5,0 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m - 5 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 9: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,45 km, lòng đường rộng 2,5m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 10: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,95 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Đường nối Hẻm 11 đến Tỉnh lộ 939: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,75 km, lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 11: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,2 km, lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 12: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,2 km, lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 13: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,29 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 14: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 15: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 16: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2,68 km, lòng đường rộng 2,5 m, nâng cấp mở rộng: lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 17: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 18: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 19: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 20: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 21: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,35 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 22: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 23: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,45 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 24: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,3 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 25: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,80 km, lòng đường rộng 3,5 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 26: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,28 km, lòng đường rộng 1,6 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 27: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,28 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 28: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,55 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 29: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,28 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 30: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,25 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng: lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 31: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,42 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 32: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 33: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,10 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 34: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,15 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 35: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2,10 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Hẻm 36: Hiện trạng là đường đất, tổng chiều dài 0,35 km; Quy hoạch mới: lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường Bưng Khoai Xóm 1: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,2 km, lòng đường rộng 2 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Đường Bưng Khoai Xóm 2: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,3 km, lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Đường Bưng Khoai Xóm 3: Hiện trạng kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,6 km, lòng đường rộng 2,5 m; nâng cấp mở rộng lòng đường 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m.

- Đường nối Hẻm 21 đến Hẻm 31: Hiện trạng là đường đất, tổng chiều dài 1,3 km. Quy hoạch mới: lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường hẻm 9 nối tiếp đến 939: Hiện trạng là đường đất, tổng chiều dài 0,12 km; Quy hoạch mới: lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường nhánh rẽ hẻm 9: Hiện trạng là đường đất, tổng chiều dài 0,28 km; Quy hoạch mới: lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường nhánh rẽ hẻm xóm 3: Hiện trạng là đường đất, tổng chiều dài 0,8 km; Quy hoạch mới lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường liên ấp nối đường tuyến tránh Quốc lộ 1: Hiện trạng là đường đất, tổng chiều dài 0,45 km; Quy hoạch mới: lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường nhánh rẻ hẻm 25: Hiện trạng là đường đất, tổng chiều dài 0,12 km; Quy hoạch mới: lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường tỉnh 936 đến Trà Mẹt: Hiện trạng là đường đất, tổng chiều dài 4,01 km; Quy hoạch mới: lòng đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

g. Khối lượng đạt được sau quy hoạch:

- Cao tốc: 4,254 km.

- Quốc lộ: 8 km.

- Đường tỉnh: 3,85 km.

- Đường trục xã, liên xã: 10,877 km.

- Đường trục ấp, liên ấp: 2,9 km.

- Đường ngõ, xóm: 26,21 km.

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	HIỆN TRẠNG				QH MỚI VÀ MỞ RỘNG				GHI CHÚ
			KẾT CÁU	LỀ (m)	LÒNG (m)	LỀ (m)	KẾT CÁU	LỀ (m)	LÒNG (m)	LỀ (m)	
I. Đường Cao Tốc											
1	Đường Cao Tốc	4.254	Đường đất	-	-	-	Nhựa	Theo quản lý của tỉnh			Dự án
II. Đường Quốc lộ											
1	Đường Quốc lộ 1	8.000	Nhựa	-	10,5	-	Nhựa	-	10,5	-	Hiện trạng
III. Đường tỉnh											
1	Đường tỉnh 939	3.000	Nhựa	-	5,5	-	Nhựa	-	5,5	-	Hiện trạng
2	Đường tỉnh 936	850	Nhựa	-	5,5-7	-	Nhựa	-	5,5-7	-	Hiện trạng
IV. Trục xã, liên xã:											
1	Đường Sà Lôn - Trà Mẹt	850	Nhựa	-	3,5	-	Nhựa	1,50	3,5	1,50	Hiện trạng
2	Đường vào khu xử lý chất thải rắn	850	Nhựa	-	6	-	Nhựa	1,50	6	1,50	Hiện trạng
3	Đường Đại Chí - Đại Ân	3.500	Đan BTCT		3,5		Đan BTCT	1,50	3,5	1,50	Hiện trạng
4	Đường cập kênh 19/5	5.677	Đan BTCT	-	3,5	-	Đan BTCT	1,50	3,5	1,50	Hiện trạng
V. Trục ấp, liên ấp											
1	Đường PO TÀ PIN	2.500	Đan BTCT	-	3	-	Đan BTCT	0,75	3,5	0,75	Nâng cấp mở rộng
2	Đường Liên Ấp Tâm Kiên - Tâm Phước	400	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,75	3,5	0,75	Nâng cấp mở rộng
VI. Trục ngõ xóm											
1	Hẻm 1	300	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
2	Hẻm Chùa Mới	300	Đan BTCT		3		Đan BTCT	0,5	3	0,5	Hiện trạng
3	Hẻm 2	250	Đan BTCT	-	1,7	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
4	Hẻm 3	1200	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
5	Hẻm 4	200	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
6	Hẻm 5	350	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
7	Hẻm 6	250	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	HIỆN TRẠNG				QH MỚI VÀ MỞ RỘNG				GHI CHÚ
8	Hẻm 7	150	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
9	Hẻm 8	350	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
10	Hẻm Chùa	300	Đan BTCT	-	2,5-5	-	Đan BTCT	0,5	3-5	0,5	Nâng cấp mở rộng
11	Hẻm 9	450	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
12	Hẻm 10	950	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
13	Đường nối hẻm 11 đến tỉnh lộ 939	750	Đan BTCT	-	3	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Hiện trạng
14	Hẻm 11	200	Đan BTCT	-	3	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Hiện trạng
15	Hẻm 12	200	Đan BTCT	-	3	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Hiện trạng
16	Hẻm 13	290	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
17	Hẻm 14	150	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
18	Hẻm 15	150	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
19	Hẻm 16	2.680	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
20	Hẻm 17	150	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
21	Hẻm 18	150	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
22	Hẻm 19	150	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
23	Hẻm 20	150	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
24	Hẻm 21	350	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
25	Hẻm 22	150	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
26	Hẻm 23	450	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
27	Hẻm 24	300	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
28	Hẻm 25	800	Đan BTCT	-	3,5	-	Đan BTCT	0,5	3,5	0,5	Hiện trạng
29	Hẻm 26	280	Đan BTCT	-	1,6	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
30	Hẻm 27	280	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
31	Hẻm 28	550	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
32	Hẻm 29	280	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
33	Hẻm 30	250	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
34	Hẻm 31	420	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
35	Hẻm 32	150	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	HIỆN TRẠNG				QH MỚI VÀ MỞ RỘNG				GHI CHÚ
36	Hẻm 33	100	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
37	Hẻm 34	150	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
38	Hẻm 35	2.100	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
39	Hẻm 36	350	Đường đất	-	-	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Quy hoạch mới
40	Đường Bưng Khoai Xóm 1	200	Đan BTCT	-	2	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
41	Đường Bưng Khoai Xóm 2	300	Đan BTCT	-	3	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Hiện trạng
42	Đường Bưng Khoai Xóm 3	1.600	Đan BTCT	-	2,5	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Nâng cấp mở rộng
43	Đường nối Hẻm 21 đến Hẻm 31	1.300	Đường đất	-	-	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Quy hoạch mới
44	Đường hẻm 9 nối tiếp đến 939	120	Đường đất	-	-	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Quy hoạch mới
45	Đường nhánh rẻ hẻm 9	280	Đường đất	-	-	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Quy hoạch mới
46	Đường nhánh rẻ hẻm xóm 3	800	Đường đất	-	-	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Quy hoạch mới
47	Đường Liên Ấp nối đường tuyến tránh Quốc lộ 1	450	Đường đất	-	-	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Quy hoạch mới
48	Đường nhánh rẻ hẻm 25	120	Đường đất	-	-	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Quy hoạch mới
49	Đường tỉnh 936 đến Trà Mẹt	4.010	Đường đất	-	-	-	Đan BTCT	0,5	3	0,5	Quy hoạch mới

7.4. Giao thông thủy:

Giao thông thủy trong khu vực xã Đại Tâm chủ yếu là tuyến kênh Bưng Cốc, kênh Phú Thuận, kênh 19/5 còn lại là các tuyến kênh, mương nội đồng.

7.5. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV dự kiến từ mạng điện quốc gia.

- Tuyến cấp: Lưới điện được cấp chính từ đường dây trung thế trên tuyến Quốc lộ 1A, đường tỉnh 936, đường tỉnh 939,… cấp cho các điểm dân cư, tuyến dân cư và cấp cho tuyến phục vụ sản xuất, kinh doanh buôn bán các mặt hàng nông sản.

7.6. Quy hoạch cấp nước:

- Khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ và xử lý hợp vệ sinh. Nước được xử lý tại các trạm cấp nước tập trung và cấp đến các hộ dân thông qua mạng đường ống.

- Dựa vào cơ cấu quy hoạch xã Đại Tâm, hiện có 2 trạm cấp nước tại ấp Đại Ân, ấp Đại Nghĩa Thắng, đảm bảo nhu cầu cấp nước cho toàn xã, tuy nhiên trong thời gian tới cần cải tạo, nâng cấp hệ thống đường ống.

7.7. Quy hoạch thoát nước bẩn:

- Tổng nước thải bằng 80% lượng nước cấp.

- Nước thải tại các điểm dân cư và các công trình công cộng: Nước thải được xử lý qua hầm tự hoại 03 ngăn trước khi thoát vào hệ thống chung.

- Nước thải tại các công trình phục vụ sản xuất được thiết kế hệ thống thu gom riêng và xử lý trước khi thoát ra kênh rạch hiện hữu.

- Phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo yêu cầu về môi trường. Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.

7.8. Vệ sinh môi trường:

Chất thải rắn sinh hoạt và sản xuất phải được thu gom và xử lý tại các cơ sở xử lý tập trung.

7.9. Nghĩa trang:

Nghĩa trang: xã đang dùng chung nghĩa trang với thị trấn Mỹ Xuyên và có các lò hỏa táng, phục vụ nhu cầu mai táng phù hợp với quy định.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

Dự kiến thực hiện đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn kêu gọi đầu tư hoặc vốn ngân sách. Trong quá trình thực hiện dự án, trình tự ưu tiên có thể thay đổi tùy theo khả năng kêu gọi đầu tư và phân bổ ngân sách của địa phương.

8.1. Giao thông và các công tình hạ tầng kỹ thuật:

Ưu tiên đầu tư các trục chính, trục liên xã trong khu quy hoạch trước để đảm bảo khung giao thông chính. Sau đó đầu tư đến các đường trục nội bộ, trục liên ấp, ngõ xóm để đảm bảo tính kết nối giao thông trong toàn xã.

- Đường tỉnh 936: Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Đường tỉnh 939: Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Đường cặp kênh 19/5; Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Đường Đại Chí - Đại Ân: Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Các tuyến giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác,… Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

8.2. Công trình hạ tầng xã hội:

- Công trình văn hóa, thể dục thể thao xã và các khu văn hóa thể thao ấp: Nguồn vốn ngân sách.

- Công trình hành chính xã: Nguồn vốn ngân sách.

- Công trình công cộng, dịch vụ: Nguồn vồn ngân sách.

- Công trình thương mại - dịch vụ: Nguồn vốn ngân sách hoặc kêu gọi đầu tư.

- Quy hoạch chi tiết điểm dân cư trung khu trung tâm xã: Nguồn vốn ngân sách hoặc kêu gọi đầu tư.

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:

Việc quản lý xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo Quy định Quản lý xây dựng theo đồ án đã được lồng ghép vào nội dung thuyết minh.

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Mỹ Xuyên;

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch Xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng;

- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Mỹ Xuyên;

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm kiểm tra, hoàn chỉnh các ý kiến đóng góp của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng để nghiệm thu hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch chung xã Đại Tâm**,** huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Mỹ Xuyên chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm thực hiện công bố công khai Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Đại Tâm**,** huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng được duyệt. Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm và Thủ trưởng các Cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Phương